

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 3 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Cương.
2. Ông Quàng Văn Tiệp.

- Thư ký pH tòa:

Ông Hà Văn Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia pH tòa:

Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 52/2021/TLST – HNGĐ, ngày 31/12/2021 về việc: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 04/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Chị Nguyễn Thị H. Sinh năm 1982.*

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: *Bản D, xã A, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.*

2. Bị đơn: *Anh Trần Văn T. Sinh năm 1979.*

Nơi ĐKKHKT: *Bản D, xã A, huyện M, tỉnh Sơn La. Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy huyện M. Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/12/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, trên cơ sở tự nguyện, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi chung sống với nhau như vợ chồng, anh chị sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bên cạnh đó anh T còn sa vào tệ nạn ma túy và không quan tâm gì đến gia đình. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Chị Nguyễn Thị H xét thấy không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị H và anh T có 02 con chung là Trần Khánh L (sinh ngày 17/10/2002) và Trần Trung D (sinh ngày 23/9/2005), nếu được ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi tất cả các con chung và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng vì anh T là người nghiện chất ma túy nên không có khả năng chăm lo cho các con.

Về tài sản chung: Chị và anh T có một căn nhà cấp 4 và một mảnh vườn tại bản D, xã A nhưng chị không đề nghị Tòa giải quyết tài sản chung này khi ly hôn.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc và tình hình dịch bệnh COVID 19 diễn biến phức tạp chị H có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án do anh Trần Văn T đang phải chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy huyện Sông Mã nên Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã lấy ý kiến của anh T bằng văn bản về việc xin ly hôn của chị H. Ý kiến của anh T tại bản tự khai như sau: Anh và chị H chung sống, phát sinh mâu thuẫn và việc đã ly thân từ năm 2012 đến nay là đúng như chị H đã trình bày, nay chị H có yêu cầu xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung anh xác nhận anh chị có 02 con chung là Trần Khánh L (sinh ngày 17/10/2002) và Trần Trung D (sinh ngày 23/9/2005), nếu ly hôn anh nhất trí để các con chung được tự do lựa chọn sống với anh hay chị H, nếu các con chung đều lựa chọn chung sống với chị H thì anh nhất trí và sẽ không cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Về nợ chung: không có, về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

Do đang phải chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc nên anh không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn được, anh T đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều T hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh T và chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T, chị H là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T là vợ chồng. Giao cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Trần Trung D (sinh ngày 23/9/2005), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H; đối với con chung là Trần Khánh L (sinh ngày 17/10/2002) đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự nên không đề cập giải quyết. Về nợ chung: không có, về tài sản chung: do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại pH tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H được Tòa án thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Sau khi chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án đã thụ lý và tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần Văn T, anh T đã có ý kiến nhất trí về việc xin ly hôn của chị H và có ý kiến về việc nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung, nhưng anh T đang phải chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy huyện Sông Mã nên anh không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn được. Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H đều có đơn xin giải quyết vắng mặt, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 2000; trong suốt quá trình chung sống thì anh, chị không T hiện việc đăng ký kết hôn là trái với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của pháp luật, đến thời điểm giải quyết vụ án thì cả chị H và anh T đều có mong muốn được ly hôn. Do đó cần căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị H và anh T đều thừa nhận có 02 con chung là Trần Khánh L (sinh ngày 17/10/2002) và Trần Trung D (sinh ngày 23/9/2005), chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh T phải trợ cấp nuôi con cùng, anh T cũng nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung.

Xét thấy, đối với con chung là Trần Khánh L (sinh ngày 17/10/2002) đến

thời điểm chị H xin ly hôn đã đủ 18 tuổi và không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự do vậy Tòa không đề cập giải quyết. Cần giao con chung là Trần Trung D (sinh ngày 23/9/2005) cho chị H tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, vì anh T đang đi cai nghiện ma túy nên không có khả năng chăm sóc và nuôi dưỡng cháu, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu D, cũng phù hợp với điều kiện hoàn cảnh T tế, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của con chung. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị H và anh T đều khai không có nợ chung, còn tài sản chung cả anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Trung D (sinh ngày 23/9/2005) cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh Trần Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí xin ly hôn đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0000778 ngày 31/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Trần Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa

Hà Văn Cương

Quàng Văn Tiệp

Hoàng Thị Nhung

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PH TOÀ**

- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Hoàng Thị Nhung